

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

3135
Số: /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài
thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Thị Thắng

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài
thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3135 /QĐ-BCT ngày 23 /10/2025)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc vận động tài trợ, xây dựng, thẩm định, phê duyệt, ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận về vốn tài trợ nước ngoài, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án, hoạt động (sau đây gọi chung là dự án) có sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

2. Vốn tài trợ nước ngoài nêu trong Quy chế này bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 242/2025/NĐ-CP) và nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP).

3. Quy chế này áp dụng cho tất cả các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Các hoạt động liên quan đến quản lý, thực hiện dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài phải tuân thủ quy định của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan khác của Nhà nước.

2. Các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài do các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương xây dựng phải dựa trên quy định tại Điều 5 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP và Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các quy hoạch,

chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực; kế hoạch trung, dài hạn, định hướng ưu tiên trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và năng lực tiếp nhận vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và sử dụng tài trợ của đơn vị đề xuất.

3. Các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện triển khai thực hiện.

4. Đầu mối thực hiện thủ tục, chức năng quản lý nguồn vốn tài trợ nước ngoài của Bộ Công Thương

a) Vận động nguồn vốn tài trợ:

- Đối với các đối tác tài trợ song phương: Vụ Phát triển thị trường ngoài nước là đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ vận động nguồn vốn tài trợ theo thị trường phụ trách;

- Vụ Chính sách thương mại đa biên là đầu mối vận động các dự án được tài trợ trong Khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam;

- Đối với các đối tác tài trợ khác: Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp là đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ vận động nguồn vốn tài trợ;

- Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chủ động vận động nguồn vốn tài trợ trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.

b) Đầu mối thẩm định, trình phê duyệt dự án

- Cục Điện lực, Cục Công nghiệp, Cục Hóa chất, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Vụ Dầu khí và Than là đầu mối thẩm định, trình phê duyệt dự án thuộc lĩnh vực phụ trách; Vụ Chính sách thương mại đa biên là đầu mối thẩm định, trình phê duyệt dự án được tài trợ trong Khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam

- Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp là đầu mối thẩm định, trình phê duyệt dự án đối với các lĩnh vực còn lại;

- Đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc thù, phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị thuộc Bộ: đơn vị đầu mối chủ trì báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định đầu mối thẩm định, trình phê duyệt.

c) Đầu mối thực hiện thủ tục ký kết điều ước quốc tế, ký thỏa thuận về vốn tài trợ

Các đơn vị thuộc Bộ được giao là chủ dự án hoặc là đơn vị đề xuất chương trình, dự án (trong trường hợp chủ dự án chưa được xác định khi tiến hành thủ tục ký kết) có trách nhiệm báo cáo thực hiện thủ tục chuẩn bị hồ sơ, thực hiện thủ tục trình ký kết theo quy định.

d) Đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nguồn vốn tài trợ:

Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp là đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tổng hợp chung tình hình thực hiện nguồn vốn tài trợ.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG SỬ DỤNG VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI; DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI VÀ DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Mục 1

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định chủ trương đầu tư dự án; Các hoạt động thực hiện trước; Nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư dự án; Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Các đơn vị thuộc Bộ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này để thực hiện trình tự, thủ tục phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh theo quy định.

Mục 2

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Điều 4. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư và điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Các đơn vị được giao là chủ dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Hồ sơ dự án gửi Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này để thực hiện trình tự thẩm định, quyết định đầu tư và điều chỉnh dự án theo quy định.

Mục 3

DỪNG SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Các trường hợp dừng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài

Các trường hợp dừng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định 242/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Dừng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khi dự án chưa thực hiện, dự án trong giai đoạn thực hiện

1. Dừng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khi dự án chưa thực hiện, dự án trong giai đoạn thực hiện thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án, được giao là chủ dự án chuẩn bị Hồ sơ gửi Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này để thực hiện dừng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT VĂN KIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT, PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt, lập văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án, điều chỉnh quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án

1. Thẩm quyền phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Lập Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định và quyết định phê duyệt, điều chỉnh quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

4. Các đơn vị đề xuất dự án lập Hồ sơ dự án gửi Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này để thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định và điều chỉnh quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án theo quy định.

Chương IV

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định khoản viện trợ

1. Thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
2. Hồ sơ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
3. Cơ quan chủ trì thẩm định khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
4. Các đơn vị đề xuất khoản viện trợ thuộc Bộ có trách nhiệm Lập Hồ sơ khoản viện trợ theo quy định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án khoản viện trợ phi dự án

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án, khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
2. Quyết định phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
3. Các đơn vị đề xuất khoản viện trợ gửi Hồ sơ dự án, khoản viện trợ phi dự án Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này để thẩm định, thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, trình phê duyệt theo quy định.

Chương V

KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ THỎA THUẬN VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Mục 1

KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Cơ sở, cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Cơ sở đề xuất, ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.
2. Cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng về việc đề xuất ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định.

Điều 11. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng thực hiện trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo quy định.

Mục 2

KÝ KẾT THỎA THUẬN VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Cơ sở, cơ quan đề xuất ký kết thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Cơ sở đề xuất và cơ quan đề xuất ký kết thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng về việc đề xuất ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định.

Điều 13. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng thực hiện trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định.

Chương VI

QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1

DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 14. Các hình thức tổ chức quản lý và quản lý dự án

1. Các hình thức tổ chức quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Các đơn vị đề xuất dự án đề xuất hình thức tổ chức quản lý dự án tại Hồ sơ dự án trình Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này để thẩm định, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản, chủ dự án trong quản lý thực hiện dự án

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, chủ dự án thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án trong quản lý thực hiện dự án

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm tổ chức bộ máy quản lý theo quy định trên cơ sở quyết định của cơ quan chủ quản.

Điều 17. Thuê tư vấn quản lý dự án và sử dụng chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài

Thuê tư vấn quản lý dự án và sử dụng chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi

Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

Điều 19. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài cho dự án

1. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm lập kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài theo quy định gửi về Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

Điều 20. Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể, hàng năm thực hiện dự án

1. Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể, hàng năm thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm lập, trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch tổng thể, hàng năm thực hiện dự án theo quy định.

Điều 21. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án

1. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án đề xuất sử dụng vốn đối ứng theo quy định tại Hồ sơ dự án trình Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này.

Điều 22. Thuế, phí và lệ phí đối với dự án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đấu thầu, vốn dư

Thuế, phí và lệ phí đối với dự án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đấu thầu, vốn dư thực hiện theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

Điều 23. Quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, kiểm tra, quyết toán, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát dự án

Quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, kiểm tra, quyết toán, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát dự án thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

Mục 2

DỰ ÁN SỬ DỤNG KHOẢN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM

Điều 24. Tổ chức quản lý dự án

1. Tổ chức quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án đề xuất tổ chức quản lý dự án tại Hồ sơ dự án gửi Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án

Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 26. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện

Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 27. Bán hàng hóa thuộc các khoản viện trợ, bàn giao kết quả thực hiện viện trợ, xử lý tranh chấp

Bán hàng hóa thuộc các khoản viện trợ, bàn giao kết quả thực hiện viện trợ, xử lý tranh chấp thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương VII

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC SỬ DỤNG VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 28. Lĩnh vực và điều kiện sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài

Lĩnh vực và điều kiện sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

Điều 29. Chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp nhà nước đề xuất dự án lập Hồ sơ dự án gửi Đơn vị đầu mối theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này để thực hiện trình tự, thủ tục phê duyệt theo quy định; sau khi doanh nghiệp nhà nước đề xuất được giao là chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng thực hiện thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định.

Điều 30. Cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, điều chỉnh dự án, xây dựng hạn mức cho vay lại 5 năm, xây dựng kế hoạch cho vay lại hằng năm, quản lý, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá, chế độ báo cáo

Cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, điều chỉnh dự án, xây dựng hạn mức cho vay lại 5 năm, xây dựng kế hoạch cho vay lại hằng năm, quản lý, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá, chế độ báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

Chương VIII

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 31. Mở tài khoản thanh toán, thẩm quyền, tiêu chí lựa chọn, trách nhiệm của ngân hàng phục vụ, nguyên tắc mở và quản lý tài khoản tạm ứng, trách nhiệm của cơ quan giữ tài khoản của dự án

1. Mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi tại Hệ thống Kho bạc Nhà nước, ngân hàng phục vụ thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền, tiêu chí lựa chọn ngân hàng phục vụ, trách nhiệm của ngân hàng phục vụ thực hiện theo quy định tại Điều 60, Điều 61, Điều 62 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc mở và quản lý tài khoản tạm ứng nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, trách nhiệm của cơ quan giữ tài khoản của dự án thực hiện theo quy định tại Điều 63, Điều 64 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

4. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ, thực hiện việc mở và quản lý tài khoản thanh toán theo quy định.

Điều 32. Kế hoạch tài chính hằng năm

1. Nguyên tắc lập kế hoạch tài chính hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Tổng hợp kế hoạch tài chính nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Nhập và phê duyệt dự toán hằng năm trên hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

4. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm lập kế hoạch tài chính hằng năm trình Bộ trưởng phê duyệt và gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo.

Điều 33. Kiểm soát chi nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi

1. Nguyên tắc kiểm soát chi, cơ quan kiểm soát chi, hình thức kiểm soát chi thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm thực hiện kiểm soát chi theo quy định.

Điều 34. Rút vốn, quản lý hoạch toán vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi

1. Các hình thức rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, thời gian xử lý rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, trình tự thủ tục rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Nguyên tắc quản lý hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước, hạch toán hỗ trợ ngân sách trực tiếp, hạch toán vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

3. Hạch toán vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho vay lại tại Bộ Tài chính, tỷ giá hạch toán và tỷ lệ giải ngân, thời hạn hạch toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78, Điều 79 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

4. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục rút vốn theo quy định.

Điều 35. Báo cáo, kế toán, kiểm toán, quyết toán, quy định về quản lý tài sản

1. Báo cáo thông tin khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, báo cáo tình hình giải ngân, hoạch toán ngân sách nhà nước, chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán, quy định về quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm báo cáo thông tin, báo cáo tình hình giải ngân, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản theo quy định.

Điều 36. Các quy định khác về quản lý tài chính

Nội dung đặc thù đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các quy định quản lý tài chính đối với dự án có nội dung chi thường xuyên có trong điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận vay cụ thể đã ký kết thực hiện theo quy định tại Điều 84, Điều 85 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG IX

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

Điều 37. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn ODA không hoàn lại

Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn ODA không hoàn lại thực hiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

Điều 38. Mở tài khoản thanh toán cho dự án, lập kế hoạch tài chính, kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn ODA không hoàn lại, tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại bằng hàng hóa và dịch vụ

1. Mở tài khoản thanh toán cho dự án, lập kế hoạch tài chính, kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn ODA không hoàn lại và tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại bằng hàng hóa và dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88, Điều 89, Điều 90 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất được giao là chủ dự án có trách nhiệm thực hiện mở tài khoản, lập kế hoạch tài chính, kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn ODA không hoàn lại, tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại bằng hàng hóa và dịch vụ theo quy định.

CHƯƠNG X

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM

Điều 39. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ

Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 40. Mở tài khoản, lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền, tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ

1. Mở tài khoản, lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền, tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Các đơn vị đề xuất dự án được giao là chủ dự án có trách nhiệm mở tài khoản, lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền, tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ theo quy định.

Chương XI

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục Điện lực, Cục Công nghiệp, Cục Hóa chất, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Vụ Dầu khí và Than, Vụ Chính sách thương mại đa biên

1. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp:

a) Đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện vốn tài trợ nước ngoài của các nhà tài trợ nước ngoài của Bộ;

b) Đầu mỗi tổng hợp, xây dựng định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn tài trợ nước ngoài của các nhà tài trợ nước ngoài;

c) Đầu mỗi vận động nguồn vốn tài trợ của Bộ đối với các đối tác tài trợ nước ngoài theo phân công tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quy chế này;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, thực hiện quy trình thủ tục thẩm định, trình phê duyệt dự án theo phân công tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế này;

đ) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện giám sát, đánh giá các dự án theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư công và quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài.

2. Cục Điện lực, Cục Công nghiệp, Cục Hóa chất, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Vụ Dầu khí Than, Vụ Chính sách thương mại đa biên:

a) Chủ trì xây dựng định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn tài trợ nước ngoài của các nhà tài trợ nước ngoài đối với lĩnh vực phụ trách;

b) Chủ động vận động các nguồn vốn tài trợ nước ngoài thuộc lĩnh vực phụ trách;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, thực hiện quy trình thủ tục thẩm định, trình phê duyệt dự án thuộc lĩnh vực phụ trách;

d) Thực hiện giám sát, đánh giá các dự án thuộc lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư công và quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài;

đ) Đầu mỗi tổng hợp hợp tình hình thực hiện vốn tài trợ nước ngoài thuộc lĩnh vực phụ trách gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp tổng hợp chung.

Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ Phát triển thị trường nước ngoài

1. Đầu mỗi vận động nguồn vốn tài trợ của Bộ đối với các đối tác song phương thuộc phạm vi phụ trách.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan, trên cơ sở chính sách đối ngoại chung, xây dựng và thực hiện chủ trương, phương hướng vận động vốn tài trợ nước ngoài.

3. Tham gia đàm phán, góp ý kiến đối với dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn tài trợ nước ngoài; tham gia ý kiến đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn tài trợ nước ngoài.

Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ Pháp chế

1. Tham gia đàm phán, góp ý xây dựng các nội dung pháp lý, thể chế trong ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vốn tài trợ nước ngoài.

2. Tham gia ý kiến đối với các dự án hợp tác với nhà tài trợ nước ngoài về pháp luật.

3. Tham gia thẩm định Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án hợp tác với nhà tài trợ nước ngoài về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng theo quy định của pháp luật về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật; cho ý kiến đối với dự án hợp tác pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng.

Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ

1. Phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan xây dựng định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài.

2. Chủ động vận động nguồn vốn tài trợ trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về vận động, quản lý và sử dụng nguồn vốn tài trợ nước ngoài.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện, giải ngân dự án, hiệu quả sử dụng vốn tài trợ nước ngoài do mình trực tiếp quản lý và thực hiện.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Tổ chức thực hiện

1. Các Cục trưởng, Vụ trưởng, thủ trưởng các cơ quan thuộc Bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Điều 46. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

2. Doanh nghiệp nhà nước vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo quy định tại Chương VII Quy chế này.

3. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 305/QĐ-BCT ngày 15 tháng 2 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương./.